

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HS-ST
Ngày 25/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Xuân Hào;
Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Chí H (tên gọi khác: H heo), sinh ngày 14/5/1996 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp C, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Chí T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1980; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 27/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 05 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2015/HSST.

- Ngày 28/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tuyên phạt 14 tháng 04 ngày tù về tội Gây rối trật tự công cộng theo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HSST (trả tự do tại phiên tòa do thời hạn tạm giam bằng thời hạn hình phạt đã tuyên).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trương Văn S, sinh ngày 20/8/1995 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp C, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Hớt tóc; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Phú V1, sinh ngày 29/12/1986 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ F, ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1938 (chết) và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1952; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 20/10/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em, đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 13/02/2012.

- Ngày 19/4/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt vào ngày 04/8/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 13/01/2023 đến ngày 16/01/2023 được trả tự do. Ngày 09/6/2023, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Công N1, sinh ngày 10/11/1998 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp E, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công M, sinh năm 1970 và bà Lê Thị B, sinh năm 1973; bị cáo có vợ tên Vũ Thị Quỳnh T2, sinh năm 2000 và 01 người con, sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 23/5/2013, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, theo Quyết định số 905/QĐ-UB của UBND huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (chấp hành xong ngày 26/02/2015).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trương Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/5/2000 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Tổ B, khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hoàng K, sinh năm 1975 và bà Huỳnh Tuyết N2, sinh năm 1982; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Y (tên gọi khác: Nguyễn Hoàng L), sinh ngày 07/4/1989. Nơi cư trú: Thôn D, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: Tổ C, khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bà Trương Thị Kiều L1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ F, ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trương Hoàng K. Vắng mặt.

2. Bà Trương Thị Tuyết . Vắng mặt.
3. Bà Huỳnh Tuyết N2. Vắng mặt.
4. Ông Phạm Ngọc Hoàng Phi Thanh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Y (tên gọi khác Nguyễn Hoàng L) có mối quan hệ quen biết, bà H1 cho Y vay số tiền 80.000.000 đồng, nhiều lần bà H1 yêu cầu Y trả tiền nhưng Y không trả nên H1 có kể sự việc này cho Phạm Chí H nghe (H là cháu của bà H1), nghe vậy, H nói để H đòi nợ dùm cho. Khoảng 09 giờ ngày 23/12/2022, H điều khiển xe ô tô 07 chỗ (không rõ biển số do xe thuê) rủ theo Nguyễn Công N1, Trương Văn S, Nguyễn Phú V1 đến nhà bà H1 tại tổ F, ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương để đòi nợ giúp bà H1, thì tất cả đồng ý. Tại nhà bà H1, bà H1 lên xe ô tô đi cùng H, N1, V1, S đến nhà Y tại tổ C, khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để tìm Y đòi nợ nhưng không có Y ở nhà, trên đường đi bà H1 có mở điện thoại lên cho H, V1, S, N1 xem hình ảnh của Y để nhận diện Y. Do không có Y ở nhà nên H chở H1, N1, V1, S đến nhà bà Huỳnh Tuyết N2, tại tổ B, khu phố H, thị trấn P, huyện P để nói chuyện và rủ bà N2 tìm Y để đòi nợ vì trước đó bà N2 có đưa cho Y số tiền 70.000.000 đồng và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ Y làm thủ tục tách thửa nhưng Y không thực hiện được và không trả tiền, trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N2, bà N2 đồng ý. Sau đó, tất cả mọi người gồm: Hào, H, N1, V1, S, bà N2 (N2 chở H1 bằng xe mô tô), đi tìm Y ở các quán cà phê gần đó nhưng không thấy. Bà H1 về nhà bà N2, còn H, N1, V1, S ra quán cà phê gần đó ngồi chờ thông tin của Y. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, ông K (chồng bà N2) hỏi thăm thì được biết Y đang ở nhà bà Trương Thị T3, tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (em của ông K) nên bà H1 gọi cho H kêu H chở N1, V1, S đi đến nhà bà T3 để gặp Y đòi tiền. Khi đến đường H 60", tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương cả nhóm của H canh chừng đầu hẻm đợi Y đi ra ngoài, một lúc sau, khi thấy Y đang điều khiển xe mô tô một mình đi ra, H điều khiển xe ô tô chặn trước đầu xe mô tô của Y, N1 bước xuống xe hỏi “phải Y không”, Y trả lời “Phải”. Ngay lúc này, H, V1, S đều bước xuống xe. Lúc này, V1 đứng phía trước đầu xe ô tô (bên lơ), S đứng phía sau gần cửa sau của xe ô tô để chặn đường không cho Y chạy đi, H đi lại yêu cầu Y trả tiền cho bà H1 thì hai bên cãi vã, H gọi điện thoại cho bà N2, bà H1 đến. Bà N2 đi cùng xe với bà H1, chồng bà N2 là ông Trương Hoàng K đi cùng xe với con gái bà N2 là Trương Thị Ngọc Á. Khi đến nơi, bà N2, Á xông đến dùng tay tát vào mặt và vùng đầu Y rồi tiếp tục cãi vã, giằng co nhưng Y vẫn không trả tiền, lúc này, H, N1 liền dùng tay kéo hai tay Y, ép Y lên xe ô tô của H, nhưng Y chống cự không lên xe nên H bước vô trong xe và kéo Y vô trong xe, V1, N1, Á đứng ngoài giúp H đẩy Y vô trong xe. Sau đó, V1, H, S, N1 lên xe ô tô đóng cửa xe ô tô lại. Trên xe, H là người điều khiển xe, V1 ngồi ghế bên lơ phía trước cùng H, còn N1 và S ngồi ở băng ghế sau để giữ Y ngồi ở giữa N1 và S. Sau đó, H điều khiển xe ô tô chở Y qua địa phận tỉnh Đồng Nai, mục đích giữ Y để Y kêu gia đình đem tiền trả cho bà H1, N2. Trên đường đi, H yêu cầu Y trả tiền cho bà H1 và hù dọa Y nếu không trả tiền thì sẽ không thả Y về, S, N1 cũng hù dọa Y nếu không trả tiền thì chở lên Đ, còn V1 hù dọa Y nếu không trả tiền sẽ đem qua Campuchia. Khi cả nhóm đi đến khu vực ngã ba G, thuộc Đ, tỉnh Đồng Nai thì V1 có việc nên H cho V1 xuống xe, còn lại tiếp tục giữ và chở Y hướng đến trung tâm huyện

Đ, Đồng Nai. Khi đến trung tâm huyện Đ, do hết thời gian thuê xe ô tô nên H cho N1, S và Y xuống xe, N1, S có nhiệm vụ giữ Y, H đi đổi xe. Sau đó, H quay lại tiếp tục chở Y, N, S đi tiếp về hướng tỉnh Bình Thuận. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H nhận được cuộc gọi từ bà H1 cho biết là chồng của Y đã báo công an, H, N1, S sợ bị bắt nên thả Y xuống xe tại khu vực Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ để Y tự đi về. Khi thả Y về, H hù dọa Y là không được khai báo với Công an, nếu Công an có hỏi thì nói là đi uống cà phê với bạn, rồi cả nhóm bỏ đi. Sự việc sau đó được ông Phạm Ngọc Hoàng Phi Thanh Q (sống với Y như vợ chồng) và bà Y tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương. Qua làm việc, H, N1, S, Á đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Riêng V1 không thừa nhận phạm tội vì cho rằng bản thân đã tự ý nửa chừng chấm dứt hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, qua quá trình xét hỏi, giải thích quy định của pháp luật về tự ý nửa chừng chấm dứt hành vi phạm tội, bị cáo V1 thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, cáo trạng truy tố đối với bị cáo là không oan, sai, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi đã thực hiện.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 135/2023/GDPY ngày 07/3/2023 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị hại Nguyễn Thị Y là 00%.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Vison, biển số 61F1-381.74.

Cáo trạng số 93/CT-VKSPG ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự); truy tố bị cáo Trương Thị Ngọc Á về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh:

+ Tuyên bố các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự;

+ Tuyên bố bị cáo Trương Thị Ngọc Á phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Phạm Chí H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

+ Bị cáo Trương Văn S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đầu thú;

+ Bị cáo Nguyễn Phú V1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đầu thú;

+ Bị cáo Nguyễn Công N1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đầu thú;

+ Bị cáo Trương Thị Ngọc Á phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Chí H từ 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn S từ 8 (tám) tháng 09 (chín) ngày tù đến 10 (mười) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V1 từ 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Công N1 từ 8 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc Á từ 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 6 (sáu) tháng;

Các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1, Trương Thị Ngọc Á tranh luận: Các bị cáo thống nhất với vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và biện pháp tư pháp, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 không tranh luận hay yêu cầu gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận và ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Bị hại bà Nguyễn Thị Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kiều L1 và những người làm chứng ông Trương Hoàng K, bà Trương Thị T3, bà Huỳnh Tuyết N2 và ông Phạm Ngọc Hoàng Phi Thanh Q vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Y, bà Trương Thị Kiều L1, ông Trương Hoàng K, bà Trương Thị T3, bà Huỳnh Tuyết N2 và ông Phạm Ngọc Hoàng Phi Thanh Q đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của bị hại bà Nguyễn Thị Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kiều L1; những người làm chứng ông Trương Hoàng K, bà Trương Thị T3, bà Huỳnh Tuyết N2 và ông Phạm Ngọc H2 Phi Thanh Q không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị hại bà Nguyễn Thị Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kiều L1; những người làm chứng ông Trương Hoàng K, bà Trương Thị T3, bà Huỳnh Tuyết N2 và ông Phạm Ngọc Hoàng Phi Thanh Q theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á khai nhận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/12/2022, tại đường H 60”, thuộc ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương, Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1, Trương Thị Ngọc Á có hành vi khống chế bị hại Nguyễn Thị Y (tên gọi khác là: Nguyễn Hoàng L) đưa lên xe ô tô 07 chỗ (không rõ biển số) chở đi nhằm mục đích buộc chị Y trả nợ cho bà Nguyễn Thị H1 và bà Huỳnh Tuyết N2. Sau khi bắt bị hại Y lên xe ô tô, các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 có hành vi giữ bị hại Y trên xe ô tô và đưa bị hại Y đi từ địa phận huyện P, tỉnh Bình Dương đến địa phận Trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích buộc bị hại Y liên hệ với gia đình lấy tiền trả nợ cho bà H1, bà N2. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 135/2023/GĐPY ngày 07/3/2023 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị hại Nguyễn Thị Y là 00%.

[5] Hành vi của các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức, các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á là người không có thẩm quyền, khống chế bị hại bà Nguyễn Thị Y; các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 giữ bị hại Y trên xe ô tô và đưa bị hại Y đi từ địa phận huyện P, tỉnh Bình Dương đến địa phận Trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Đồng Nai là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trương Thị Ngọc Á đã đủ yếu tố cấu thành tội

“Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

[6] Cáo trạng số 93/CT-VKSPG ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Trương Thị Ngọc Á về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm. Đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật do các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1 và Nguyễn Phú V1 thực hiện. Trong đó, bị cáo Phạm Chí H là người đề xuất vừa là người thực hành, các bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Công N1 là người thực hành và bị cáo Nguyễn Phú V1 là người giúp sức. Vì vậy, cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hoá hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Tội phạm do các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á thực hiện đã xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, đồng thời gián tiếp gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo, nêu gương và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo như sau:

[8.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[8.2.1] Bị cáo Phạm Chí H: Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8.2.2] Bị cáo Trương Văn S: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8.2.3] Bị cáo Nguyễn Phú V1: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8.2.4] Bị cáo Nguyễn Công N1: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8.2.5] Bị cáo Trương Thị Ngọc Á: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và tại phiên tòa, bị

cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8.3] Về nhân thân của các bị cáo:

[8.3.1] Đối với bị cáo Phạm Chí H: Ngày 27/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 05 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2015/HSST. Ngày 28/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tuyên phạt 14 tháng 04 ngày tù về tội Gây rối trật tự công cộng theo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HSST.

[8.3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Phú V1: Ngày 20/10/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em. Ngày 19/4/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

[8.3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Công N1: Ngày 23/5/2013, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, theo Quyết định số 905/QĐ-UB của UBND huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

[8.3.4] Xét bị cáo Trương Thị Ngọc Á có mức hình phạt tù không quá 03 năm, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và nơi làm việc; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nơi làm việc ổn định. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về xử lý vật chứng của vụ án:

[11.1] 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen thu giữ của bà Nguyễn Thị H1. Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bà H1.

[11.2] 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh của bị cáo Trương Văn S. Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo S.

[11.3] 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Vison, biển số 61F1-381.74 của bà Trương Thị Kiều L1, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương đã trả lại xe mô tô trên cho bà L1, bà L1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

[12] Đối với Nguyễn Thị H1, Huỳnh Tuyết N2, Trương Hoàng K không có sự bàn bạc hay không phân công vai trò, nhiệm vụ gì với các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1 và Trương Thị Ngọc Á về hành vi phạm tội bắt, giữ bị hại Nguyễn Thị Y nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo không đề cập xử lý hình sự.

[13] Về án phí: Các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

1.2. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Ngọc Á phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Chí H 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù được tính từ ngày 05/01/2023.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Văn S 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù được tính từ ngày 13/01/2023.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trương Văn S, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V1 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù được tính từ ngày 09/6/2023, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/01/2023 đến ngày 16/01/2023.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công N1 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù được tính từ bắt bị cáo để đi chấp hành án.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: Xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc Á 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (25/9/2023).

Giao bị cáo Trương Thị Ngọc Á cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Trương Thị Ngọc Á có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trương Thị Ngọc Á kể từ ngày 25/9/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận tự tự nguyện của bị hại bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Trả lại: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen (niêm phong có chữ ký của Phạm Thị H3, Nguyễn Văn L2 và dấu đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo) cho bà Nguyễn Thị H1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh (imei 1: 358998090316855; imei 2: 358998091316854) cho bị cáo Trương Văn S.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 4 năm 2023

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương)

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Chí H, Trương Văn S, Nguyễn Công N1, Nguyễn Phú V1 và Trương Thị Ngọc Á mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 Công an tỉnh B;
- UBND xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (để thông báo);
- UBND xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (để thông báo);
- UBND thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (để thông báo);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ân